

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN ĐƯỚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10/2021/QĐST-HNGĐ

C, ngày 03 tháng 02 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu xác định cha cho con**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN ĐƯỚC - TỈNH LONG AN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Phạm Thị Thùy Trang

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Như Quyền - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An tham gia phiên họp:
Bà Phan Thị Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 592/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2020 về việc “Yêu cầu xác định cha cho con” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 01/2021/QĐST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2021, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- ***Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*** ông Trương Văn T, sinh năm: 1960;
Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Long An. (*có mặt*)

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***
1. Bà Lê Thị B, sinh năm: 1927;
Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Long An.
2. Ông Trương Văn K, sinh năm: 1964;
Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Long An.
(*Bà B, ông K có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt*).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

- Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 20/11/2020 và tại phiên họp, người yêu cầu ông Trương Văn T trình bày: Cha ông là Trương Văn T, sinh năm 1920, đã chết năm 1997; mẹ ông tên Lê Thị B, sinh năm 1927. Cha mẹ ông có tổng cộng 02 người con bao gồm: Trương Văn T và Trương Văn K. Cha mẹ ông không có con chung hay con riêng nào khác. Do thời điểm khai sinh cho ông thì cha mẹ ông không có hôn thú nên không ghi tên cha ông trong giấy khai sinh và lấy họ ông theo họ mẹ nên trong giấy khai sinh ghi tên ông là Lê Văn T, sinh ngày 10/3/1960. Nay ông yêu cầu Tòa án xác định ông là con của ông Trương Văn T để ông điều chỉnh lại phần giấy khai sinh của ông.

- Tại văn bản ngày 11/11/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn K trình bày: cha ông là Trương Văn T, sinh năm 1920, đã chết năm 1997; mẹ ông tên Lê Thị B, sinh năm 1927. Cha mẹ ông chỉ có tổng cộng 02 người con là Trương Văn

T và Trương Văn K. Ông xác nhận ông Trương Văn T (tên trong khai sinh là Lê Văn T) là anh ruột của ông, tức là con ruột của ông Trương Văn T và bà Lê Thị B. Ông Kiệp có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Tại văn bản ngày 11/11/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị B trình bày: bà và ông Trương Văn T là vợ chồng, chung sống với nhau có 02 người con chung duy nhất là Trương Văn T và Trương Văn K. Ông T là người đi khai sinh cho Tiệp và tên đầy đủ là Trương Văn T nhưng sau đó khai sinh lại ghi là Lê Văn T. Bà khẳng định ông Trương Văn T (tên trên giấy khai sinh là Lê Văn T) là con ruột của bà với ông Trương Văn T. Bà B yêu cầu đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C sau khi phân tích việc dân sự và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự đề nghị Tòa án nhân dân huyện C áp dụng Điều 88, 90 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của ông Trương Văn T về việc xác định ông Trương Văn T là cha của ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện C nhận định:

[1]. Ông Trương Văn T yêu cầu xác định ông Trương Văn T là cha ruột là việc dân sự yêu cầu xác định cha cho con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 361 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Lê Thị B, ông Trương Văn K có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào Điều 367 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành mở phiên họp vắng mặt bà Lê Thị B, ông Trương Văn K.

[3]. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của người yêu cầu tại phiên họp cũng như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C. Xét thấy, ông Trương Văn T và bà Lê Thị B chung sống với nhau có 02 người con chung là Trương Văn T và Trương Văn K nhưng trong trích lục khai sinh của ông Trương Văn T không thể hiện họ tên cha là ông Trương Văn T mà chỉ có họ tên mẹ là bà Lê Thị B và khai sinh ghi tên Lê Văn T. Mặc dù, trích lục khai sinh của ông T không thể hiện tên cha nhưng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều xác định ông T là con ruột của ông T và bà Bôi, sự thừa nhận này phù hợp với Bản sao giấy khai sinh của ông T nên việc ông T yêu cầu xác định ông là con của ông Trương Văn T là có căn cứ và phù hợp với đề nghị của Kiểm sát viên, nên áp dụng Điều 88, 90 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn yêu cầu của ông T và xác định ông T là con của ông Trương Văn T.

[4]. Về lệ phí: Ông T được miễn lệ phí việc dân sự theo qui định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBNTQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Điều 361, 367, 370 và 372 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 88, 90 của Luật Hôn nhân và gia đình; Áp dụng Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận đơn yêu cầu của ông Trương Văn T về việc yêu cầu xác định cha cho con.

Xác định ông Trương Văn T, sinh năm 1920 (đã chết năm 1997) là cha của ông Trương Văn T, sinh năm 1960 (tên trên Giấy khai sinh là Lê Văn T, sinh ngày 10/3/1960).

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông T được miễn lệ phí việc dân sự theo qui định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định đó được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Phạm Thị Thùy Trang